

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 87/TTr-SCT ngày 19/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Y tế, Nông

ngiệp và PTNT, Du lịch, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K6 (09b).

Nguyễn Tự Công Hoàng

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

Nguyễn Tự Công Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023
của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

trên địa bàn tỉnh Bình Định

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)*

Thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là *Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy*); UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy (sau đây gọi tắt là *Kế hoạch*) với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Phổ biến, quán triệt, triển khai, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các sở, ban, ngành, địa phương và Nhân dân toàn tỉnh trong triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy thành các nội dung hoạt động cụ thể; nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên tổ chức thực hiện đồng bộ, phù hợp với các nhiệm vụ đã giao cho các sở, ban, ngành, địa phương trong thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội nhằm tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên địa bàn tỉnh.

- Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, cần bám sát quan điểm chỉ đạo, các định hướng lớn và nhiệm vụ trọng tâm đã nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy; các chương trình, kế hoạch về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ nội dung Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy và Kế hoạch này tổ chức, triển khai thực

hiện với quyết tâm cao nhất để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu xây dựng Bình Định trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu khu vực miền Trung.

II. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

- Đưa Bình Định trở thành tỉnh phát triển thuộc nhóm dẫn đầu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ. Tỉnh Bình Định khẳng định vai trò là động lực tăng trưởng của tiểu vùng Trung Trung Bộ; gắn kết và tác động lan tỏa đối với các tỉnh Bắc Tây Nguyên.

- Kinh tế của tỉnh phát triển nhanh, bền vững và xanh hơn dựa trên các trụ cột tăng trưởng công nghiệp, du lịch, dịch vụ cảng và logistics, phát triển nông, lâm nghiệp - thủy sản dựa trên công nghệ cao, phát triển kinh tế đô thị gắn với quá trình đô thị hóa; phát triển tất cả các lĩnh vực trên nguyên tắc phát triển bền vững là ưu tiên hàng đầu.

- Là trung tâm công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ và du lịch của vùng duyên hải miền Trung - Tây Nguyên; trung tâm lớn của cả nước về phát triển kinh tế biển; trọng điểm du lịch quốc gia với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại.

- Thực hiện thành công các mục tiêu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư và doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong nhóm cao của cả nước.

- Có mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, hệ thống đô thị phát triển theo hướng đô thị thông minh, kết nối thuận tiện với các trung tâm kinh tế của vùng, cả nước và quốc tế; trong đó tập trung phát triển đô thị Quy Nhơn hiện đại về không gian, kiến trúc và khai thác tiềm năng, lợi thế đặc biệt về cảnh quan, khí hậu khu vực ven đầm Thị Nại.

- Giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo vệ môi trường; bảo tồn và phát huy tốt bản sắc, các nét đẹp văn hóa của dân tộc, phát triển Quy Nhơn thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt từ 8,5% trở lên, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân 7 - 7,5%/năm. Kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 đạt 30%.

- Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Công nghiệp - xây dựng chiếm 41,3% - 43,3%; dịch vụ chiếm 34,8% - 35,9%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 16,8% - 17,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,1% - 5,3%.

- GRDP bình quân đầu người (*theo giá hiện hành*) đến năm 2030 là 204 - 213 triệu đồng/người, tương đương 7.500 - 7.900 USD (*giá hiện hành*).

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh ở mức trên 45%.

- Thu ngân sách đến năm 2025 đạt 18,5 nghìn tỷ đồng; đến năm 2030 đạt 30 - 35 nghìn tỷ đồng.

- Tổng lượt khách du lịch đến năm 2030 đạt 12 triệu lượt; trong đó, có 2,5 triệu lượt khách quốc tế và 9,5 triệu lượt khách du lịch nội địa.

- Vốn đầu tư huy động giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 800 - 850 nghìn tỷ đồng, tương đương khoảng 29 - 30 tỷ USD.

- Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 7,2%/năm, trong đó giai đoạn 2021 - 2025 đạt bình quân 8,9%/năm, giai đoạn 2026 - 2030 đạt bình quân 5,4%/năm.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 60%; có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 45% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trên 65% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 25% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tăng trưởng năng suất lao động bình quân 8,3%/năm giai đoạn 2021 - 2030.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt trên 80%.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%; phấn đấu đạt 45 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 01 vạn dân.

- Giải quyết việc làm bình quân hàng năm khoảng 30.000 người; tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2025 - 2030 giảm từ 1,0% - 1,5%, từ sau 2030 giảm từ 0,5% - 1,0%.

- Duy trì 100% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, trong đó phấn đấu 80% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn. Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực thành thị đạt 100%, trong đó tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 95%, tỷ lệ người dân đô thị còn lại sử dụng nước từ các nguồn cấp nước hợp vệ sinh.

III. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

- Đến năm 2045, Bình Định cơ bản hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiếp tục thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ với GRDP bình quân đầu người và tỷ lệ đô thị hóa cao hơn mức bình quân

chung của cả nước. Là trung tâm khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo quan trọng của đất nước.

- Kinh tế phát triển bền vững dựa trên các trụ cột: công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp công nghệ thông tin và công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI); du lịch chất lượng cao; nông nghiệp hữu cơ và hệ thống logistics hiệu quả. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển mạnh, có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế về một số ngành, sản phẩm mà tỉnh có lợi thế.

- Thực hiện thành công các mục tiêu chuyển đổi số theo Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, tiếp tục là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước. Các giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh được bảo tồn, gìn giữ, phát huy hiệu quả, đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế - xã hội. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được bảo đảm vững chắc.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương nghiên cứu, phổ biến, triển khai quán triệt nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy và Kế hoạch này nhằm nâng cao nhận thức và quyết tâm hành động trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh.

- Xác định nội dung cốt lõi công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo bút phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong và ngoài tỉnh; chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải cacbon thấp; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Giai đoạn 2031 - 2045, tập trung nâng cao chất lượng công nghiệp hóa và đẩy mạnh hiện đại hóa toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội.

- Cụ thể hóa các quan điểm, gắn kết các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa với xây dựng và thực hiện pháp luật, chính sách, hệ thống quy hoạch

tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan. Thực hiện phân công, phân cấp triệt để trong quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; bảo đảm nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, gắn trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

2. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Tiếp tục tham gia góp ý hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai, đầu tư, quy hoạch, công nghiệp, thương mại, đô thị, kiến trúc, xây dựng, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao, thuế... đảm bảo minh bạch, thống nhất, loại bỏ các mâu thuẫn, chồng chéo.

- Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương phù hợp với đặc thù phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở các tiềm năng, lợi thế của tỉnh bằng việc thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy định về cơ chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ của Chương trình hành động số 23-Ctr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy; trong đó, tập trung xây dựng chính sách thu hút các nhà đầu tư chiến lược đối với các trụ cột tăng trưởng kinh tế; chính sách phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao; chính sách thu hút nguồn nhân lực.

- Tập trung hoàn thành Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

- Thực hiện lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 05 năm tỉnh Bình Định.

3. Xây dựng nền công nghiệp vững mạnh; nâng cao năng lực ngành xây dựng

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 27/8/2018 của Tỉnh ủy về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2030; Chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040; Chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030; các đề án, chương trình phát triển công nghiệp, thương mại đến năm 2030 và những năm tiếp theo; tăng cường công tác quản lý, thực hiện có hiệu quả các quy hoạch đảm bảo phát triển đúng định hướng, như: Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050...

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch¹ của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động² của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Định; triển khai thu hút đầu tư các dự án phát triển nguồn điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên các dự án năng lượng tái tạo.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả không gian phát triển công nghiệp, phương án phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Từng bước hình thành và phát triển các cụm ngành công nghiệp; xây dựng và triển khai có hiệu quả quy hoạch vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản phù hợp với từng vùng, từng địa phương, đảm bảo tính chuyên môn hóa cao.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ lõi, công nghệ nguồn; ưu tiên nguồn lực và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: Luyện kim (*ưu tiên phát triển thép hợp kim, thép đặc chủng phục vụ công nghiệp chế tạo máy thế hệ mới*), cơ khí chế tạo (*ưu tiên phát triển cơ khí chế tạo cho sản xuất máy nông nghiệp, thiết bị năng lượng, thiết bị điện, thiết bị y tế*), công nghiệp năng lượng (*ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng mới*), vật liệu (*ưu tiên phát triển vật liệu mới*), công nghệ số (*ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn, vật liệu bán dẫn*)...

- Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp 4.0, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo giá trị cao như sản xuất dược phẩm, linh kiện điện tử, bán dẫn, công nghiệp công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo...; chú trọng đầu tư phát triển công nghiệp sản xuất thép³, điện gió ngoài khơi⁴, công nghiệp chế biến sâu nông, lâm, thủy sản⁵,... tạo nền tảng và góp phần quyết định thúc đẩy tăng trưởng và phát triển cho tỉnh.

- Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2030, tập trung vào các lĩnh vực: Cơ khí và tự động hóa, nông nghiệp và công nghệ sinh học, công nghệ cao; khuyến khích doanh nghiệp FDI chuyển giao công nghệ;

¹ Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 01/04/2021 của UBND tỉnh.

² Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ.

³ Dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn.

⁴ Dự án của Tập đoàn PNE.

⁵ Dự án Trung tâm Giết mổ gia súc, gia cầm và chế biến thực phẩm San Hà Bình Định, Nhà máy chế biến sâu Nông Thủy sản Vinanutrifood.

khuyến khích phát triển các cụm công nghiệp chuyên ngành công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp có phân khu chức năng công nghiệp hỗ trợ. Xây dựng và triển khai Chương trình khuyến công tỉnh Bình Định giai đoạn 2026 - 2030 để tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp trong nông thôn.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án⁶ phát triển vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng thành ngành công nghiệp chủ lực, đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng cơ bản nhu cầu trong tỉnh; hạn chế, tiến tới dừng các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng không hiệu quả tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường, ưu tiên phát triển vật liệu xanh, vật liệu mới thân thiện với môi trường. Hình thành và phát triển cụm ngành vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững; hướng tới xây dựng Bình Định trở thành trung tâm sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng ốp lát của vùng và cả nước.

4. Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch⁷ của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động⁸ của Chính phủ và Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 21/02/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu; hình thành các cụm liên kết nông - công nghiệp ở nông thôn; nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn. Đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương, giữa các vùng và kết nối chuỗi giá trị cả nước.

- Đổi mới cơ cấu cây trồng theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực, cây công nghiệp lâu năm; tăng tỷ trọng cây công nghiệp ngắn ngày, cây rau, cây ăn quả đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường. Rà soát, xác định các vùng trồng, cây trồng chủ lực và cây ăn quả có tiềm năng phát triển quy mô lớn, tăng cường liên kết giữa các địa phương để tạo vùng sản xuất tập trung, gắn với vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến nông sản; triển khai thực hiện Đề án phát triển cây trồng chủ lực và cây ăn quả tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

⁶ Quyết định số 5144/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁷ Quyết định số 3344/QĐ-UBND ngày 09/9/2023 của UBND tỉnh.

⁸ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người nông dân, chú trọng khuyến nông phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến, mô hình sản xuất trồng trọt ứng dụng công nghệ cao. Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích đầu tư ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp; đẩy mạnh sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt và tương đương; khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đăng ký cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói để tăng cường công tác quản lý kiểm soát chất lượng, tạo vùng nguyên liệu nông sản chất lượng cao, đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu của các thị trường trên thế giới.

- Tập trung nâng cao năng suất, chất lượng để tăng giá trị sản phẩm với 03 loại vật nuôi chủ lực là bò thịt, lợn và gà; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích đầu tư ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại tập trung quy mô công nghiệp, bán công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi sạch, chăn nuôi hữu cơ, áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAHP); chăn nuôi theo chuỗi giá trị khép kín từ khâu sản xuất đến thu mua, giết mổ gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng Khu chăn nuôi trang trại tập trung Nhơn Tân (thị xã An Nhơn) thành Vùng chăn nuôi công nghệ cao của tỉnh và hình thành các khu vực chăn nuôi trang trại tập trung ở các huyện: Phù Cát, Hoài Ân, Tây Sơn và thị xã An Nhơn, từng bước xây dựng vùng nguyên liệu chất lượng phục vụ công nghiệp chế biến; tiếp tục phát triển các chuỗi liên kết chăn nuôi, tiêu thụ lợn thịt, gà thịt như chuỗi liên kết với thị trường Đà Nẵng, mô hình chăn nuôi gia công của các doanh nghiệp với người dân. Xây dựng cơ sở dữ liệu chăn nuôi và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý chăn nuôi.

- Thu hút, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thủy sản ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp chế biến các sản phẩm thủy sản. Ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các vùng nuôi tập trung, các cơ sở sản xuất giống thủy sản, hướng tới theo nuôi trồng thủy sản tốt VietGAP; chuyển từ nuôi trồng theo phương thức truyền thống sang ứng dụng công nghệ cao. Kêu gọi đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ.

- Triển khai thực hiện quy hoạch lâm nghiệp theo cơ cấu 3 loại rừng tỉnh Bình Định giai đoạn năm 2021 - 2030, tầm nhìn năm 2050. Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2035; hỗ trợ, thúc đẩy xây dựng phát triển các mô hình, dự án liên kết trồng rừng cây gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ FSC tạo mối liên kết bền vững giữa người trồng rừng với các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng kết nối nông thôn với đô thị, nhất là hạ tầng thủy lợi, giao thông vận tải, hạ tầng thương mại, kho bãi, bảo quản, chế biến nông sản; nâng cấp, hiện đại hóa và phát triển sàn giao dịch cho các nông sản chủ lực. Tiếp tục phát triển nông nghiệp

theo hướng sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, hiện đại hóa trong toàn bộ chuỗi cung ứng; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản; tăng cường thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số, đẩy nhanh xây dựng hạ tầng số và dữ liệu số trong nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên bố trí nguồn lực và có cơ chế, chính sách đặc thù để xã hội hóa, thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh; triển khai thực hiện có hiệu quả 11 nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển dịch vụ theo hướng xây dựng tỉnh trở thành trung tâm văn hóa, du lịch (*du lịch biển, du lịch văn hóa và sinh thái*), thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, tài chính, y tế, giáo dục đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên. Ưu tiên phát triển các dịch vụ kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ khác. Gắn phát triển dịch vụ với tiến trình chuyển đổi số, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phát triển mạnh các dịch vụ giá trị gia tăng cao để nâng cao tỷ trọng ngành dịch vụ trong cơ cấu kinh tế tỉnh. Tiếp tục phát triển, hiện đại hóa các dịch vụ thiết yếu như: Thương mại, bán buôn, bán lẻ để đáp ứng nhu cầu dịch vụ cơ bản của Nhân dân.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phát triển các trung tâm logistics gắn với cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số; tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch tỉnh Bình Định trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2020 - 2025; tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng, quảng bá thương hiệu, lấy điểm nhấn là “Quy Nhơn - điểm đến hàng đầu của Đông Nam Á, trung tâm văn hóa của vùng”; hình thành, phát triển các sản phẩm, điểm, tuyến du lịch mới trong tỉnh; kết nối hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh lân cận, trong vùng và liên vùng... Tập trung khai thác hiệu quả Cảng Quy Nhơn và hiện đại hóa dịch vụ cảng, tối đa hóa công suất⁹; đồng thời, thu hút đầu tư bên cảng Phù Mỹ phục vụ công nghiệp năng lượng, luyện kim và cụm cảng cạn Tuy Phước (*cảng cạn Quy Nhơn, cảng cạn Thị Nại*) quy mô 45 ha đến năm 2050; tiếp tục khai thác tốt vận tải hàng không.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

⁹ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã đầu tư xây dựng các dự án: Nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn với tổng mức đầu tư 509,72 tỷ đồng và mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 (giai đoạn 1) với tổng mức đầu tư 50 tỷ đồng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 09/7/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình “Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025”, tạo động lực cho doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, góp phần nâng tỷ trọng năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

- Đổi mới tổ chức quản lý khoa học và công nghệ theo hướng đẩy mạnh thực hiện cơ chế đặt hàng, tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thực hiện công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ khi có địa chỉ nhận sử dụng kết quả. Triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học của các đề tài đã được đánh giá công nhận có khả năng áp dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Thực hiện chuyển giao quyền sở hữu các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước với cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả.

- Gắn kết công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất và đời sống. Tăng cường liên kết giữa nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp - nhà nông, tăng hiệu quả ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào thực tiễn, phục vụ đời sống và sản xuất.

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng của hoạt động nghiên cứu, tư vấn và chuyển giao công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ; khai thác hiệu quả các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn, các trung tâm trực thuộc các sở, ngành, địa phương và các doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả, nhất là lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các trường phổ thông. Triển khai chương trình đào tạo chuyên gia, nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghiệp, nhất là công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ lao động nông thôn; tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề; phát triển nhân lực nghiên cứu, chuyên gia trong nông nghiệp. Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, thực hiện tốt công tác phân luồng, tăng tỷ lệ học sinh sau trung học vào học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Thực hiện vừa đào tạo nghề, vừa dạy văn hóa tại các cơ sở đào tạo để học sinh tốt nghiệp

vừa có bằng trung học phổ thông vừa có bằng nghề bảo đảm chất lượng, có điều kiện tham gia thị trường lao động, nâng cao trình độ giáo dục nghề nghiệp. Đồng thời, đẩy nhanh phổ cập nghề cho thanh niên, công nhân, nông dân và người lao động thông qua các hình thức hỗ trợ phù hợp. Thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, trong đó chú trọng hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên xung phong, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế.

- Ưu tiên đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia trong một số ngành, lĩnh vực gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp công nghệ thông tin, AI, du lịch chất lượng cao, nông nghiệp hữu cơ và hệ thống logistic. Tạo điều kiện về môi trường làm việc, hỗ trợ về tài chính và nhà ở để đội ngũ nhân lực chất lượng cao yên tâm công tác và cống hiến. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức trẻ, tạo môi trường, điều kiện hoạt động để trí thức nghiên cứu, sáng tạo và cống hiến. Xây dựng đề án lựa chọn đào tạo, bồi dưỡng học sinh từ cấp học phổ thông đạt loại giỏi và có cơ chế hỗ trợ học tập, đào tạo để sau khi tốt nghiệp về phục vụ lâu dài cho tỉnh.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Tích cực huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đô thị hóa trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phát triển Khu đô thị khoa học Quy Hòa với nòng cốt là Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành; xây dựng Trung tâm Trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ tại phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, từng bước hình thành Trung tâm Trí tuệ nhân tạo tại Bình Định. Tiếp tục phát triển khu đô thị mới Nhơn Hội và các đô thị trên địa bàn theo quy hoạch; xây dựng chuỗi đô thị biên gắn với tuyến đường ven biển đoạn qua tỉnh; phát triển các khu đô thị mới, các khu dân cư gắn với phát triển các khu công nghiệp và việc nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông đường bộ (*bao gồm cả đường bộ cao tốc*), đường sắt (*bao gồm cả đường sắt đô thị*) và nâng cấp sân bay Phù Cát.

- Triển khai thực hiện quy hoạch và các đề án phát triển giao thông nhằm phát triển đồng bộ hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, nhất là hệ thống giao thông kết nối giữa các vùng, các địa phương trong tỉnh; tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn gắn với chương trình nông thôn mới. Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi (*hồ chứa, đê, kè, hệ thống tiêu thoát lũ, kênh mương nội đồng...*), các dự án cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn phục vụ sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân. Có giải pháp hoàn thiện hạ tầng về bảo vệ môi trường tại các khu đô thị và khu, cụm công nghiệp. Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình mới phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh,

đáp ứng yêu cầu phát triển. Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các khu vực đô thị và một số thị trấn; các khu đô thị mới, khu dân cư mới phải đầu tư đồng bộ hệ thống thoát nước thải riêng và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp.

- Phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, đảm bảo an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, đi trước một bước. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa, xã hội.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch¹⁰ của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 20/3/2023 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030 để phát triển hệ thống đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh, có tính kết nối theo mạng lưới cao và gắn kết chặt chẽ với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hoàn thiện mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ theo quy định của Trung ương. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, từng bước tiếp cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị, thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, tiêu chí đô thị sinh thái, nhất là các tiêu chí về nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

7. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch¹¹ của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 25/6/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch¹² của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động¹³ của Chính phủ và Chương trình hành động¹⁴ của Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh.

¹⁰ Quyết định số 3385/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh.

¹¹ Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 27/07/2018 của UBND tỉnh.

¹² Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh.

¹³ Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 31/3/2023 của Chính phủ.

¹⁴ Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 24/8/2018 của Tỉnh ủy.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch¹⁵ của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh. Triển khai có hiệu quả các chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương hiệu, ứng dụng thương mại điện tử, kết nối thị trường. Phát triển doanh nghiệp trong một số lĩnh vực có vai trò dẫn dắt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa như năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, viễn thông, kết cấu hạ tầng...

- Tăng cường thu hút FDI, coi trọng chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ cao, bảo đảm tiêu chuẩn về môi trường, thu hút lao động có kỹ năng của các công ty đa quốc gia gắn với yêu cầu chuyên giao tri thức, công nghệ và quản trị; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch¹⁶ của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 52-KH/TU ngày 06/01/2023 của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...

8. Vận dụng chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh, bền vững

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính theo nguyên tắc thị trường; tiếp tục đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển, chú trọng đến quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, góp phần phát huy lợi thế cạnh tranh của tỉnh, ngành và sản phẩm; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân.

- Tiếp tục nghiên cứu tham gia góp ý sửa đổi, bổ sung chính sách thu từ đất, mở rộng việc giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá, sử dụng đất có hiệu quả; đẩy mạnh sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước phù hợp với quy hoạch sử dụng đất để tạo nguồn tài chính đầu tư cơ sở hạ tầng; chính sách thu hút vốn đầu tư vào khu vực công nghiệp chế biến, lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực có khả năng tạo giá trị gia tăng cao cho nền kinh tế, phát triển mạnh tài chính xanh, tín dụng xanh.

- Tăng quyền hạn và trách nhiệm trong công tác quản lý ngân sách ở các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước gắn với tăng tính minh bạch và trách nhiệm

¹⁵ Kế hoạch số 28/KH-SKHĐT ngày 01/08/2023 của UBND tỉnh.

¹⁶ Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh.

giải trình. Đảm bảo việc phân bổ nguồn lực hằng năm định hướng vào các mục tiêu kinh tế - xã hội trong trung và dài hạn, trong đó có các mục tiêu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn gắn với các mục tiêu thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục thực hiện nhất quán cơ chế quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước gắn với việc thực hiện công khai, minh bạch giá, tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm công ích.

- Thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách để tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, chú trọng nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát và xử lý nợ xấu; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và hỗ trợ thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện các chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng đủ mạnh để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Lồng ghép quá trình sản xuất với bảo tồn tài nguyên và nâng cao chất lượng môi trường, nghiên cứu triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển tín dụng xanh kết hợp tăng cường nguồn vốn huy động xanh trên thị trường; tích hợp và triển khai nội dung quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong quy trình thẩm định tín dụng xanh; tận dụng các thành tựu khoa học cách mạng công nghiệp 4.0 để xanh hóa hoạt động ngân hàng, xây dựng các sản phẩm tín dụng, dịch vụ ngân hàng cho các lĩnh vực xanh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp để cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc có liên quan, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh. Tăng quy mô tín dụng trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo, đưa tăng trưởng xanh thành một trong những mục tiêu quan trọng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

9. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước

- Quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Có chiến lược phát triển khai thác, chế biến khoáng sản có giá trị cao, có lợi thế cạnh tranh. Phát triển công nghiệp sử dụng triệt để chất thải rắn, chất thải công nghiệp, tái chế chất thải xây dựng. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ, kiểm soát ô nhiễm môi trường ở các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt... Lồng ghép công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện tăng trưởng xanh; sản xuất và tiêu dùng bền vững vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương. Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ, ưu tiên bố trí ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích

ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 - 2030, Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định; xây dựng và triển khai Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, Kế hoạch phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn; thực hiện đồng bộ việc phân loại rác tại nguồn trên địa bàn toàn tỉnh...

- Phát triển ngành công nghiệp môi trường; khuyến khích phát triển dịch vụ cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái tự nhiên; có lộ trình phù hợp để giảm tối đa, tiến tới không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần; thí điểm, nhân rộng và phát triển các mô hình sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tái sử dụng, tái chế chất thải phù hợp với từng ngành, vùng, miền.

- Triển khai Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn đến năm 2050; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về phòng chống thiên tai, thực hiện chủ động, đồng bộ các giải pháp phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu, kết hợp giữa xây dựng, củng cố công trình phòng chống thiên tai với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai góp phần giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, nghiên cứu và áp dụng các giải pháp dựa vào tự nhiên, tiếp cận dựa trên hệ sinh thái; đồng thời, chia sẻ công bằng, hợp lý các lợi ích thu được từ thiên nhiên nhằm đảm bảo sự công bằng, toàn diện, hiệu quả và có trách nhiệm của cộng đồng trong việc tham gia và đưa ra các quyết định có liên quan đến bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học gắn với văn hóa bản địa từng địa phương.

- Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ và hải đảo.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 50-KH/TU ngày 16/12/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng, tăng cường chất lượng rừng nhằm tăng cường khả năng hấp thụ cacbon, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái tự nhiên.

- Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế; tận dụng, khai thác hiệu quả các quan hệ hợp tác với các đối tác phát triển nhằm đẩy mạnh

công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tích cực vận động nguồn vốn ODA, FDI, viện trợ không hoàn lại để đầu tư kết cấu hạ tầng các chương trình thuộc các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, giảm nghèo, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường...

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025; Đề án phát triển hàng xuất khẩu tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh thực hiện Đề án Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 12/9/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định...

10. Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đảm bảo tốt an sinh xã hội

- Phát triển văn hóa, thể thao đảm bảo giữ gìn bản sắc văn hóa Bình Định; tu bổ, bảo tồn các di tích, phát huy giá trị các danh lam thắng cảnh, văn hóa phi vật thể, lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian; xây dựng và triển khai Đề án phát triển thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; gắn kết chặt chẽ giữa văn hóa với thể thao và phát triển du lịch. Xây dựng hồ sơ khoa học “Võ cổ truyền Bình Định” đệ trình UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Tập trung ưu tiên đầu tư thích đáng, tạo điều kiện thuận lợi phát triển giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng, có bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tình hình mới. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. Triển khai hiệu quả Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động tại địa phương đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đẩy mạnh trí thức hóa công nhân thông qua đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số cho công nhân.

- Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò đặc biệt quan trọng của đội ngũ trí thức và doanh nhân trên địa bàn tỉnh. Phát triển đội ngũ trí thức, đội ngũ doanh nhân, đào tạo doanh nhân, xây dựng văn hóa kinh doanh tiên tiến, giàu

bản sắc và hội nhập quốc tế; triển khai các hoạt động ý nghĩa về ngày Văn hóa doanh nghiệp Việt Nam, Bộ tiêu chí Văn hóa kinh doanh Việt Nam và Quy chế xét công nhận Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam.

- Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi cho các tầng lớp Nhân dân. Tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt và có khả năng hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau. Phát triển hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân. Y tế công lập giữ vai trò chủ đạo trong công tác y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; tạo điều kiện thuận lợi cho y tế ngoài công lập phát triển, cung ứng các dịch vụ y tế để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân. Thực hiện hiệu quả các chính sách về dân số, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe. Phát triển hài hòa giữa công tác khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng với công tác y tế dự phòng. Phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa, kết nối thị trường và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản cho các huyện nghèo, khu vực đặc biệt khó khăn, khu vực đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra tại Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 18/8/2023 của Tỉnh ủy và Kế hoạch này, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết triển khai theo chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể của từng ngành, địa phương, đơn vị mình; kịp thời xử lý hoặc đề xuất cấp thẩm quyền xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

b) Định kỳ hàng năm, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện gửi Sở Công Thương trước ngày 20 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận

trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tuyên truyền, phổ biến thông tin về các Nghị quyết, Chương trình hành động và Kế hoạch này bằng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các nền tảng mạng xã hội để đạt hiệu quả cao nhất./.

Phụ lục 1
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	8,5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	GĐ 2021-2030
2	Cơ cấu kinh tế của tỉnh				
-	Nông, lâm, thủy sản	%	16,8 - 17,5	Sở Nông nghiệp và PTNT	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	41,3 - 43,3	Sở Công Thương, Sở Xây dựng	
-	Dịch vụ	%	34,8 - 35,9	Sở Công Thương, Sở Du lịch	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5,1 - 5,3	Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh	
3	GRDP bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	204 - 213	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	30	Sở Thông tin và Truyền thông	
5	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế	%	> 45	Sở Khoa học và Công nghệ	
6	Tổng thu ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng	30 - 35	Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh	
7	Tổng lượt khách du lịch	Triệu lượt	12	Sở Du lịch	
-	Tổng lượt khách quốc tế	Triệu lượt	2,5		
-	Tổng lượt khách nội địa	Triệu lượt	9,5		
8	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2030	Nghìn tỷ đồng	800 - 850	Sở Kế hoạch và Đầu tư	GĐ 2021-2030
9	Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân/năm	%	7,2	Sở Công Thương	
10	Tỷ lệ đô thị hóa	%	> 60	Sở Xây dựng	
11	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	90	Sở Nông nghiệp và PTNT	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	%	45	<i>Sở Nông nghiệp và PTNT</i>	

12	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới	%	> 65	Sở Nông nghiệp và PTNT	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	%	25	<i>Sở Nông nghiệp và PTNT</i>	
13	Tăng trưởng năng suất lao động bình quân năm	%	8,3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	GĐ 2021-2030
14	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	< 20	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	35 - 40	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
16	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin	%	> 80	Sở Thông tin và Truyền thông	
17	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	97	Sở Y tế	
18	Phấn đấu số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh	45	Sở Y tế	
19	Số bác sĩ trên 1 vạn dân	Người	11	Sở Y tế	
20	Giải quyết việc làm bình quân hằng năm	Người	30.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
21	Tỷ lệ giảm nghèo đa chiều bình quân/năm	%	1,0-1,5	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	GĐ 2025 - 2030
22	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	Sở Nông nghiệp và PTNT	
23	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn	%	80	Sở Nông nghiệp và PTNT	
24	Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực thành thị	%	100	Sở Xây dựng	
25	Tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%	95	Sở Xây dựng	

Phụ lục 2

NHIỆM VỤ CỤ THỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA TỈNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW NGÀY 17/11/2022 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VỀ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Stt	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành	Cấp phê duyệt	Ghi chú	
I							
XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA							
1	1	Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	QĐ 2949/QĐ-UBND
2	2	Lập, điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất 05 năm tỉnh Bình Định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023-2024	Thủ tướng Chính phủ	QĐ 2949/QĐ-UBND
3	3	Chính sách thu hút các nhà đầu tư chiến lược đối với các “trụ cột” tăng trưởng kinh tế	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2024-2025	UBND tỉnh	CTHĐ 23
4	4	Chính sách phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành liên quan	2024-2025	UBND tỉnh	
5	5	Sửa đổi, bổ sung quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành liên quan	2023	UBND tỉnh	
6	6	Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ bảo quản, đóng gói, bao bì, nhãn mác theo quy định	Sở Công Thương	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2024-2025	UBND tỉnh	QĐ 3344/QĐ-UBND
7	7	Chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các cơ quan, địa phương có liên quan, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh	2024-2025	UBND tỉnh	
8	8	Chính sách tôn vinh những người có đóng góp lớn cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các cơ quan, địa phương có liên quan, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2024-2026	UBND tỉnh	
9	9	Xây dựng quy định về cơ chế hỗ trợ, ưu đãi nhà đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư	2023	UBND tỉnh	QĐ 3385/QĐ-UBND
10	10	Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
II							
XÂY DỰNG NỀN CÔNG NGHIỆP VỮNG MẠNH; NÂNG CAO NĂNG LỰC NGÀNH XÂY DỰNG							

11	1	Xây dựng danh mục xúc tiến kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng khu, cụm công nghiệp, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ cao, bảo đảm tiêu chuẩn về môi trường, thu hút lao động có kỹ năng của các công ty đa quốc gia gắn với yêu cầu chuyển giao tri thức, công nghệ và quản trị; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh	CTHĐ 23
12	2	Tham mưu xây dựng Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm vào các khu kinh tế, khu công nghiệp, trong đó ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường, có tính lan toả, liên kết cao, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên.	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh	
13	3	Triển khai thực hiện Đề án về liên kết ngành trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, năng lượng trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Sau khi Bộ Công Thương ban hành Đề án, hướng dẫn thực hiện	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
14	4	Xây dựng và triển khai chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Sau khi Bộ Công Thương ban hành chính sách, hướng dẫn thực hiện	UBND tỉnh	CTHĐ 23
15	5	Chương trình khuyến công của tỉnh Bình Định giai đoạn 2026 - 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2025-2026	UBND tỉnh	QĐ 3344/QĐ-UBND
16	6	Triển khai thực hiện Đề án phát triển vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Quyết định số 5144/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh	Sở Xây dựng	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2021-2030	UBND tỉnh	CTHĐ 23
17	7	Triển khai thu hút đầu tư các dự án phát triển nguồn điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó ưu tiên các dự án năng lượng tái tạo.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công Thương, các cơ quan và địa phương có liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh	
III	ĐẨY NHANH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN; TIẾP TỤC CƠ CẤU LẠI NGÀNH DỊCH VỤ DỰA TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO						
18	1	Đề án phát triển cây trồng chủ lực và cây ăn quả tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023	UBND tỉnh	QĐ 3344/QĐ-UBND
19	2	Xây dựng Khu chăn nuôi trang trại tập trung Nhơn Tân (thị xã An Nhơn) thành Vùng chăn nuôi công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND thị xã An Nhơn, các sở ngành liên quan	2026	UBND tỉnh	

20	3	Kêu gọi đầu tư phát triển Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan, UBND huyện Phù Mỹ và các doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản	2028	UBND tỉnh	
21	4	Điều tra, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu nuôi trồng thủy sản (cơ sở, đối tượng, diện tích, sản lượng, ...) phục vụ công tác quản lý, quy hoạch, phát triển nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các địa phương, các tổ chức/cá nhân nuôi trồng thủy sản	2025	UBND tỉnh	
22	5	Thực hiện công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ số; công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ nhân giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2025	UBND tỉnh	QĐ 3344/QĐ-UBND
23	6	Thiết lập và kiện toàn hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường cho những vùng nuôi thủy sản tập trung	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan, các địa phương	2030	UBND tỉnh	
24	7	Phương án rà soát, điều chỉnh quy hoạch lâm nghiệp theo cơ cấu 3 loại rừng tinh Bình Định giai đoạn năm 2021 - 2030, tầm nhìn năm 2050.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành liên quan của tỉnh và các địa phương	2023	UBND tỉnh	
25	8	Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
26	9	Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển các trung tâm logistics gắn với cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số	Sở Công Thương	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Sau khi Bộ Công Thương ban hành Đề án, hướng dẫn thực hiện	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
27	10	Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về phát triển du lịch tinh Bình Định trở thành ngành kinh tế mũi nhọn giai đoạn 2020-2025	Sở Du lịch	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2025	UBND tỉnh	
IV	PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA						
28	1	Kế hoạch triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025	UBND tỉnh	
29	2	Triển khai Kế hoạch thực hiện chương trình Quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025	UBND tỉnh	

30	3	Đề án lựa chọn đào tạo, bồi dưỡng học sinh từ cấp học phổ thông đạt loại giỏi và có cơ chế hỗ trợ học tập, đào tạo để sau khi tốt nghiệp về phục vụ lâu dài cho tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	2024 - 2025	UBND tỉnh	
31	4	Triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm	UBND tỉnh	
32	5	Triển khai Đề án “Phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	Sở Du lịch	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2025	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
33	6	Kế hoạch thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023	UBND tỉnh	
34	7	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2026	UBND tỉnh	
35	8	Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sau khi Trung ương ban hành Đề án	UBND tỉnh	
V	PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI; THÚC ĐẨY ĐÔ THỊ HÓA NHANH VÀ BỀN VỮNG, GẮN KẾT CHẶT CHẼ VÀ TẠO ĐỘNG LỰC CHO CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA						
36	1	Triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 20/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023 - 2030	UBND tỉnh	CTHĐ 23
37	2	Phối hợp lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 trong đó làm rõ phương án phát triển đô thị và nông thôn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; các đô thị trung tâm, hạt nhân cấp vùng và tiểu vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Theo tiến độ thực hiện của Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	QĐ 2949/QĐ-UBND
38	3	Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Kon Tum	Sở Giao thông vận tải	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2030	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
39	4	Đầu tư xây dựng đoạn tuyến Đường ven biển đoạn kết nối từ Tam Quan Bắc (Bình Định) - Quảng Ngãi, hoàn thiện đường ven biển qua địa bàn tỉnh, nối thông đường ven biển quốc gia qua các tỉnh Quảng Ngãi - Bình Định - Phú Yên	Sở Giao thông vận tải	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2030	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND

40	5	Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải đầu tư xây dựng các tuyến Quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh phù hợp với Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Giao thông vận tải	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2030	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
41	6	Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2025	UBND tỉnh	
42	7	Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn từ các nguồn vốn đầu tư ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh cho một số dự án liên quan về phát triển đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh trong kế hoạch đầu tư công của tỉnh đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2030	UBND tỉnh	
43	8	Xây dựng Đề án phát triển cấp nước tỉnh Bình Định	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan	2023	UBND tỉnh	
VI PHÁT TRIỂN CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ NHẪM THÚC ĐẨY CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA							
44	1	Triển khai Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 27/07/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động số 15-CTr/UB ngày 25/6/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước	Sở Tài chính	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh	
45	2	Triển khai Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện “Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2030	UBND tỉnh	
46	3	Triển khai Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2025	UBND tỉnh	

47	4	Triển khai Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2030	UBND tỉnh	
48	5	Triển khai Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 22/02/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 52-KH/TU ngày 06/01/2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2030	UBND tỉnh	
VII VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG THÚC ĐẨY CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NHANH, BỀN VỮNG							
49	1	Tham mưu nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính theo nguyên tắc thị trường; tiếp tục đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hoá, thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo hướng lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính; các cơ quan và địa phương có liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh	
50	2	Tham mưu nâng cao hiệu quả đầu tư công; xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn gắn với các mục tiêu thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh	
51	3	Chỉ đạo các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tập trung các giải pháp tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả; hướng nguồn vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là lĩnh vực ưu tiên; hỗ trợ thực hiện chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro.	NHNN Chi nhánh tỉnh	Các TCTD trên địa bàn	Hàng quý	NHNN Chi nhánh tỉnh	
52	4	Chỉ đạo các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh chủ động triển khai các chương trình, sản phẩm tín dụng phát triển lĩnh vực xanh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng khi có nhu cầu.	NHNN Chi nhánh tỉnh	Các TCTD trên địa bàn	Hàng quý	NHNN Chi nhánh tỉnh	

53	5	Phối hợp với các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh triển khai chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp để cùng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc có liên quan tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh.	NHNN Chi nhánh tỉnh và/hoặc các Sở, ngành có liên quan	Các Sở, ngành; các TCTD trên địa bàn và các Đơn vị khác có liên quan	06 tháng	NHNN Chi nhánh tỉnh hoặc các Sở, ngành có liên quan	
VIII QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ, TIẾT KIỆM TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU; TĂNG CƯỜNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ SÂU RỘNG, HIỆU QUẢ ĐI ĐÔI VỚI BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC							
54	1	Triển khai Quyết định số 2748/QĐ-UBND ngày 24/7/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bình Định, giai đoạn 2023 - 2030.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Hàng năm	UBND tỉnh	
55	2	Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan; Hiệp hội ngành hàng	Hàng năm	UBND tỉnh	
56	3	Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
57	4	Kế hoạch phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
58	5	Thực hiện Mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn tại một số địa phương	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023 - 2024	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
59	6	Triển khai Quyết định 4328/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 39-KH/TU ngày 19/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và PTNT (đối với công trình thủy lợi) và Sở Công Thương (đối với công trình thủy điện)	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2025	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
60	7	Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
61	8	Kế hoạch thực hiện Đề án khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các khung khổ hội nhập để cơ cấu lại ngành kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng bền vững theo hướng xanh, bền vững	Sở Công Thương	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Sau khi Bộ Công Thương ban hành Đề án, hướng dẫn thực hiện	UBND tỉnh	
62	9	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023-2030 trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023	UBND tỉnh	

63	10	Triển khai Quyết định 2243/QĐ-UBND ngày 21/06/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển hàng xuất khẩu tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Công Thương	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2030	UBND tỉnh	
64	11	Kế hoạch triển khai Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”	Sở Công Thương	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2023 - 2030	UBND tỉnh	
65	12	Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2021 - 2025	UBND tỉnh	
IX	PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA, BẢN LĨNH, TRÍ TUỆ CON NGƯỜI VIỆT NAM, XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN ĐẠI, LỚN MẠNH; ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VÀ DOANH NHÂN XUNG KÍCH, ĐI ĐẦU TRONG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA; BẢO ĐẢM TỐT AN SINH XÃ HỘI						
66	1	Đề án Phát triển thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ	UBND thành phố Quy Nhơn	Sở Văn hóa và Thể thao, các cơ quan và địa phương có liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	QĐ 2949/QĐ-UBND
67	2	Triển khai hiệu quả Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023 - 2030	UBND tỉnh	CTHĐ 23
68	3	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại - nghệ thuật Bài chòi	Sở Văn hóa và Thể thao	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Sau 2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
69	4	Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa quốc gia – nghệ thuật Hát bội và Võ cổ truyền Bình Định	Sở Văn hóa và Thể thao	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Sau 2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
70	5	Bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng các cấp trong địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Sau 2023	Thủ tướng Chính phủ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
71	6	Xây dựng Bảo tàng tỉnh và Trung tâm Võ thuật cổ truyền tỉnh Bình Định	Sở Văn hóa và Thể thao	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Sau 2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
72	7	Đề án Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực diễn viên, nhạc công chuyên nghiệp về nghệ thuật Tuồng và Ca kịch Bài chòi Bình Định giai đoạn 2023 - 2030, định hướng đến năm 2050	Sở Văn hóa và Thể thao	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Sau 2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
73	8	Tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa	Sở Văn hóa và Thể thao	Các cơ quan và địa phương có liên quan	Giai đoạn 2023 - 2030	Thủ tướng Chính phủ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh	
74	9	Trung bày nội thất, hiện vật tại Bảo tàng tỉnh Bình Định (thuộc dự án xây dựng Bảo tàng mới tại số 86 Lê Duẩn, TP. Quy Nhơn).	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Giai đoạn 2023 - 2030	UBND tỉnh	

75	10	Xây dựng hồ sơ khoa học “Võ cổ truyền Bình Định” đệ trình UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.	Sở Văn hóa và Thể thao	Viện Nghiên cứu Văn hóa; Liên đoàn Võ thuật cổ truyền Bình Định; Cục Di sản Văn hóa; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2023 - 2030	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Ngoại giao, Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh	CTHĐ 23
76	11	Xây dựng khu liên hợp thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao	Các cơ quan và địa phương có liên quan	2026-2030	UBND tỉnh	
77	12	Đề án Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND
78	13	Đề án xây dựng tại mỗi huyện, thị xã, thành phố 01 trường THPT trọng điểm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023	UBND tỉnh	QĐ 2949/QĐ-UBND